

-(으)ㄹ 법도 하다

nếu vậy thì cũng dễ hiểu thôi

Thêm sự cảm thông vào một nhận định. -(으)ㄹ 법하다 nói điều gì đó là hợp lý; 도 nói rằng bạn sẽ không trách ai vì điều đó.

Cách kết hợp

Loại gốc từ	Dạng	Ví dụ
Kết thúc bằng nguyên âm	-ㄹ 법도 하다	나다 → 날 법도 하다
Kết thúc bằng phụ âm	-을 법도 하다	민다 → 믿을 법도 하다
Kết thúc bằng ㄷ	không thêm gì	만들다 → 만들 법도 하다
Thường đứng trước là	một lý do	그런 일을 겪었으니 ...
Không có 도	-(으)ㄹ 법하다	chỉ là hợp lý
Dạng ảm áp hơn	-(으)ㄹ 만도 하다	화가 날 만도 해요

Khi nào dùng

Cách kết hợp theo quy tắc chuẩn với dạng ngắn cho ㄹ: 만들다 thành 만들 법도 하다. 법 là danh từ và viết cách ra.

도 chuyển nghĩa từ sự hợp lý đơn thuần sang sự thấu hiểu, cảm thông: 그런 대접을 받았으니 화가 날 법도 하다 — bị đối xử như vậy thì nổi giận cũng phải.

A Thường có một lý do đứng trước, nêu căn cứ cho sự cảm thông: 그런 일을 겪었으니, 오래 기다렸으니.

Nó rất gần với -(으)ㄹ 만도 하다. Khác biệt nhỏ: 만도 하다 ảm áp hơn và mang tính văn nói hơn, 법도 하다 khách quan hơn một chút.

Ví dụ trong câu

- 1

그런 대접을 받았으니 화가 날 법도 하다.
Bị đối xử như thế thì nổi giận cũng là điều dễ hiểu.
- 2

오래 기다렸으니 포기할 법도 했습니다.
Chờ lâu như vậy thì bỏ cuộc cũng là điều dễ hiểu.
- 3

그 정도 설명이면 믿을 법도 하지요.
Được giải thích như thế thì tin cũng phải.
- 4

이쯤 되면 한마디 할 법도 한데 그는 잠자코 있었다.
Đến mức này thì lẽ ra cũng đã lên tiếng, vậy mà anh ấy vẫn im lặng.
- 5

비용을 생각하면 직접 만들 법도 하다.
Với chi phí như vậy thì tự làm cũng là điều dễ hiểu.
- 6

사정을 알고 나면 이해할 법도 합니다.
Biết hoàn cảnh rồi thì cũng có thể hiểu được.

So sánh với

-(으)ㄹ 법하다
Không có 도, nó chỉ đánh giá điều gì đó là hợp lý. 도 thêm sự cảm thông — bạn sẽ không trách họ.
그럴 법하다. (cũng có thể lắm) / 화가 날 법도 하다. (khó mà trách anh ấy)

-(으)ㄹ 만도 하다
Gần như thay thế được cho nhau. 만도 하다 ảm áp hơn và thuộc văn nói; 법도 하다 khách quan hơn một chút và mang tính văn viết hơn.
화가 날 만도 해요. (văn nói) / 화가 날 법도 하다. (văn viết)

-기 마련이다
마련이다 nói điều gì đó là lẽ thường; 법도 하다 nói một phản ứng cụ thể là dễ hiểu. Quy luật chung khác với sự cảm thông cá nhân.
실수하기 마련이다. (ai cũng mắc lỗi) / 화가 날 법도 하다. (anh ấy giận cũng phải)

Lưu ý

- ✗ 비용을 생각하면 직접 만들을 법도 하다.

○비용을 생각하면 직접 만들 법도 하다.
Gốc từ kết thúc bằng ㄷ đã có sẵn ㄹ, giống như 만들 거예요 và 만들 뿐이다.
- ✗ 화가 날 법도 하니 사과하지 마세요.

○화가 날 법도 하니 먼저 사과하세요.
Cấu trúc này bày tỏ sự cảm thông với phản ứng của người khác, nên hướng đến việc thông cảm cho họ.
- ✗ 비가 올 법도 하다. — với ý “trông như sắp mưa”

○비가 올 법하다.
Để phỏng đoán đơn thuần về thời tiết, 법하다 không có 도 mới đúng. 도 thêm sự cảm thông, mà thời tiết thì không cần.